

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 437/2024/DS-PT
Ngày: 27/9/2024
V/v “Tranh chấp di sản thừa kế
và đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình
Các thẩm phán: Ông Bùi Thanh Quốc
Bà Hồ Thị Tuyết Phương

- Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Thủy- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số: 86/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024, về việc: “Tranh chấp tranh chấp đòi lại tài sản và phân chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định số 215/2024/QĐ-PT ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1962. (Có mặt).

HKTT: Ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ liên hệ: Hẻm C đường H, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1984. (Có mặt).

Địa chỉ: G (Đối diện G), đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà **Trần Thị Thu H**: Luật sư **Nguyễn Thanh C** – Đoàn Luật sư thành phố C. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1943- chết ngày 27/4/2019.

Những người thừa kế tổ tụng:

3.1.1 Ông **Trần Ân L**, sinh năm 1971. Địa chỉ: 2 T, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

3.1.2 Ông **Trần Ân T**, sinh năm 1973. Địa chỉ: 2 T, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

3.1.3 Bà **Trần Thị Ân K1**, sinh năm 1945. Địa chỉ: Địa chỉ: 2 T, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

3.2 Bà **Trần Mỹ C1**, sinh năm 1945. Địa chỉ: ấp K, xã A, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Trần Văn N**. (Theo Giấy ủy quyền ngày 29/3/2023). (Có mặt).

3.3 Bà **Trần Thị Mỹ V**, sinh năm 1954 - chết ngày 26/11/2016 (*Không có người thừa kế tổ tụng*).

3.4 Ông **Trần Ngọc C2**, sinh năm 1950 - chết ngày ngày 10/4/2016.

Những người thừa kế tổ tụng:

3.4.1 Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1957. (Vắng mặt).

3.4.2 Ông **Trần Anh H1**, sinh năm 1987. (Vắng mặt).

3.4.3 Ông **Trần Anh H2**, sinh năm 1991. (Vắng mặt).

3.4.4 Ông **Trần Tuấn H3**, sinh năm 1994. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.4.5 Ông **Trần Anh T1**, sinh năm 1983. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.4.6 Bà **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1984. (Có mặt).

Địa chỉ: G (Đối diện G), đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.4.7 Ông **Trần Anh K2**, sinh năm 1986. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Anh K2: Luật sư **Nguyễn Thanh C** – Đoàn Luật sư thành phố C. (Có mặt).

4. Người kháng cáo:

4.1 Bà Trần Thị Thu H là bị đơn.

5.2 Bà Nguyễn Thị N1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của ông Trần Văn N tại giai đoạn sơ thẩm như sau:

Cha, mẹ của ông là ông Trần Văn C3 (chết năm 1998) và bà Lâm Thị D (chết năm 1999) có tổng cộng 06 người con là: Bà Trần Thị K, sinh năm 1943 - chết năm 2019; bà Trần Mỹ C1, sinh năm 1945; Bà Trần Thị Tuyết P, sinh năm 1953 - chết ngày 15/03/2016; Bà Trần Mỹ V, sinh năm 1954 – chết năm 2016; Ông Trần Ngọc C2, sinh năm 1958 – chết 2016 và ông Trần Văn N, sinh năm 1962.

Ông N xác nhận lúc sinh thời cha mẹ ông không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Chị ruột ông là bà Trần Thị Tuyết P không có chồng không con, chết không để lại di chúc và có để lại một căn nhà và đất tọa lạc tại G đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Hiện căn nhà này do bà Trần Thị Thu H là con của ông Trần Ngọc C2 quản lý, sử dụng. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thu H giao trả lại căn nhà và đất là tài sản thừa kế của bà Trần Thị Tuyết P để lại để chia đều cho các thừa kế bao gồm: ông Trần Văn N, bà Trần Mỹ C1; bà Trần Thị K (chết)- có những người thừa kế tổ tụng gồm: Trần Ân L, Trần Ân T, Trần Ân K1; ông Trần Ngọc C2 (chết) – Những người thừa kế tổ tụng bao gồm: Nguyễn Thị N1, Trần Anh H4, Trần Anh H2, Trần Tuấn H3, Trần Anh T1, Trần Thị Thu H.

- Bị đơn bà Trần Thị Thu H trình bày tại giai đoạn sơ thẩm như sau:

Bà xác nhận bà đang sinh sống tại địa chỉ G P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Căn nhà này là T2 thất Ngọc Bình do cô bà là bà Trần Thị Tuyết P cùng các phật tử xây dựng với mục đích tu tập và thờ tự. Bà đã sinh sống cùng bà P từ năm 1996 cũng như chăm sóc bà P khi bà bị bệnh và mất vào năm 2016. Do đó, bà không chấp nhận với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Văn N.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày tại giai đoạn sơ thẩm như sau:

- Ông Trần Ân L, ông Trần Ân T, bà Trần Thị Ân K1 (là những người thừa kế hợp pháp của bà Trần Thị K) tại văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế di sản theo văn bản chứng thực ngày 13/6/2022 tại UBND phường V, TP ., tỉnh Kiên Giang. (BL 68, 69) trình bày: Các ông bà là người thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị K, sinh năm 1948- chết năm 2019. Phần tài sản thừa kế của mẹ các ông bà là căn nhà và đất tại số G P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ các anh em thống nhất tặng cho cậu là ông Trần Văn N thừa hưởng phần thừa kế của bà Trần Thị K. Ngoài ra do bận công việc nên các ông bà xin được vắng mặt tại các phiên xét xử.

- Bà Trần Mỹ C1 - có ông Trần Văn N làm đại diện: Bà Trần Mỹ C1 là một trong những người thừa kế của bà Trần Thị Tuyết P. Bà C1 có yêu cầu được nhận một kỹ phần thừa kế trong phần di sản của bà Trần Thị Tuyết P để lại.

- Bà Nguyễn Thị N1, ông Trần Anh T1, ông Trần Anh H1, ông Trần Anh H2, ông Trần Tuấn H3 vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai.

Tại bản án sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều và Quyết định như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N.

- Buộc bà Trần Thị Thu H phải giao trả lại diện tích đất 49,4m² và căn nhà cấp 4 trên đất tại số G đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ cho những người thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị Tuyết P để phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Di sản thừa kế của bà Trần Thị Tuyết P được phân chia như sau:

+ Ông Trần Văn N được hưởng 02/4 kỷ phần thừa kế (tương đương 1.005.947.000 đồng);

+ Bà Trần Mỹ C1 được hưởng ¼ kỷ phần thừa kế (tương đương 502.973.500 đồng);

+ Bà Nguyễn Thị N1, ông Trần Anh T1, ông Trần Anh H1, ông Trần Anh H2, ông Trần Tuấn H3 và bà Trần Thị Thu H được hưởng 01/4 kỷ phần thừa kế (tương đương 502.973.500 đồng). Giao cho bà Trần Thị Thu H tạm thời quản lý kỷ phần này.

- Giao phần đất diện tích đất 49,4m² và căn nhà cấp 4 trên đất tại số G đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ cho bà Trần Thị Thu H tiếp tục quản lý. Bà H có nghĩa vụ thối lại giá trị kỷ phần cho các thừa kế còn lại. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bà H không thối lại giá trị tài sản cho những người thừa kế khác thì buộc bà H giao lại di sản để phát mãi thi hành án, chia giá trị tài sản cho những người thừa kế.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn N về việc sẽ cho bà Trần Thị Thu H 50.000.000 đồng sau khi phân chia di sản thừa kế.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng về đo đạc, thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/01/2024, bà Trần Thị Thu H là bị đơn có đơn kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết bao gồm: kháng cáo bản án sơ thẩm và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 05/02/2024, bà Nguyễn Thị Thanh N2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết bao gồm: kháng cáo bản án sơ thẩm và yêu cầu được xem xét miễn án phí sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Nguyễn Thanh C trình bày:

Trước đây, ông Trần Văn N có khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Thị Tuyết P (mất) nhưng Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều có Quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông N vì Tòa án cho rằng là ông N chưa có căn cứ

chứng minh đây là di sản thừa kế do bà Trần Thị Tuyết P (mất) để lại phân chia di sản thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông N cũng không đưa ra được các chứng cứ để chứng minh được đây là di sản thừa kế của bà Trần Thị Tuyết P (mất) để lại nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét việc ông N khởi kiện để yêu cầu chia di sản thừa kế là chưa đủ điều kiện khởi kiện. Mặt khác, do ông Trần Anh K2 sinh năm 1986 là con ông Trần Ngọc C2 (mất) và ông K2 cũng được Tòa án phúc thẩm mời làm việc và lấy khai trực tiếp tại Tòa án, ông K2 có các giấy tờ để chứng minh ông là con của ông Trần Ngọc C2, nên Tòa án sơ thẩm chưa đưa ông K2 vào để tham gia tố tụng là có thiết sót. Đề nghị Tòa án phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N.

Nguyên đơn ông Trần Văn N trình bày:

Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:

Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, tại phiên tòa, bà đề nghị rút lại yêu cầu việc yêu cầu nếu được chia thừa kế thì phần di sản thừa kế của bà P được chia làm 05 phần vì bà cho rằng đây chưa phải là di sản của bà P để chia thừa kế theo pháp luật. Mặt khác, tại sơ thẩm, có ông Trần Anh K2 sinh năm 1986 có giấy tờ chứng minh là con ruột của ông Trần Ngọc C2 (đã mất) nhưng cấp sơ thẩm chưa đưa Anh K2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là có thiết sót. Bà thống nhất với quan điểm của Luật sư.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:*

+ Về tố tụng: hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Về kháng cáo: các đương sự có kháng cáo trong hạn luật định, có nộp tạm ứng và có đơn xin miễn án phí nên hợp lệ về mặt hình thức.

- Về nội dung kháng cáo:

Trong quá trình tranh tụng, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay:

Phần nhà và đất tọa lạc tại G đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ, phần di sản này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi còn sống bà Trần Thị Tuyết P cùng các phật tử xây dựng với mục đích tu tập và thờ tự. Bà H có công chăm sóc bà P từ khi bà H còn nhỏ cho đến khi bà P mất, do bà P không có chồng con, nên hàng thừa kế thứ hai của bà P yêu cầu chia thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để chia thừa kế di sản của bà P là chưa đúng quy định. Do phần đất này, bà P chưa được cấp giấy chứng nhận hợp pháp, cũng như chưa có đầy đủ các giấy tờ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của luật đất đai hiện hành, mặt khác Chi nhánh Văn phòng đăng ký

đất đai quận N khi trả lời bằng văn bản cho Tòa án không nói rõ phần đất tranh chấp là có bị quy hoạch hoặc đang có tranh chấp với ai hay không, phần đất trên có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không? Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm thì có phát sinh ông Trần Anh K2 là con của ông Trần Ngọc C2, do cấp sơ thẩm chưa xác định được đầy đủ người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là có thiếu sót. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 là hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, phần án phí và chi phí khác sẽ xem xét ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án và xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “tranh chấp đòi lại tài sản và phân chia di sản thừa kế” là đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: bị đơn bà Trần Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N2 có kháng cáo trong hạn luật định, nộp tạm ứng án phí và có đơn yêu cầu miễn nộp tạm ứng án phí nên hợp lệ về mặt hình thức. Bà Nguyễn Thị N2, ông Trần Anh T1, ông Trần Anh H1, ông Trần Anh H2, ông Trần Tuấn H3, ông Trần Anh K2 đã được triệu tập hợp lệ như vắng mặt không rõ lý do; ông Trần Ân L, Trần Ân T và bà Trần Thị Ân K1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết xử vắng mặt các đương sự vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bà Trần Thị Thu H và bà Nguyễn Thị N2:

Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, có cơ sở xác định:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do người chết để lại là bà Trần Thị Tuyết P gồm Thừa đất 138, tờ bản đồ số 05 diện tích 49.4m² (loại đất ODT) và căn nhà cấp 4 trên đất tại số G đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ:

Cha của ông Trần Văn N là ông Trần Văn C3 (chết năm 1998) và mẹ là bà Lâm Thị D (chết năm 1999), có 06 người con là: Bà Trần Thị K, sinh năm 1943 - chết ngày 27/4/2019; Bà Trần Mỹ C1, sinh năm 1945, Bà Trần Thị Tuyết P, sinh năm 1953 - chết ngày 15/03/2016; Bà Trần Mỹ V, sinh năm 1954 - chết ngày 26/11/2016; Ông Trần Ngọc C2, sinh năm 1950 - chết ngày 10/4/2016 và ông Trần Văn N, sinh năm 1962. Theo ông Trần Văn N khi bà P chết, không để lại di chúc và tài sản để lại một căn nhà và đất tọa lạc tại G đường P, phường T, quận N, thành

phố Cần Thơ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang do bà Trần Thị Thu H quản lý, sử dụng nên ông khởi kiện yêu cầu bà H giao trả căn nhà để chia thừa kế theo pháp luật cho những người thừa kế.

Bà Trần Thị Thu H là người đang quản lý, sử dụng tài sản này cho rằng phần đất tại số G đường P, phường T, quận N là tài sản của cô bà là bà Trần Thị Tuyết P chết để lại, khi còn sống bà Phi t tại gia ở địa chỉ này; căn nhà là do các phật tử đóng góp xây dựng để cùng tu hành với bà P, trước đây nơi này trực thuộc sự quản lý của Giáo hội P1 nhưng từ khi bà P mất thì Giáo hội không quản lý nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy, về nguồn gốc của Thửa đất 138, tờ bản đồ số 05 diện tích 49.4m² (loại đất ODT) và căn nhà cấp 4 trên đất tại số G đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ hiện nay chưa có cơ quan có thẩm quyền nào xác định rõ là đất là sử dụng hợp pháp của bà Trần Thị Tuyết P, chưa biết rõ việc sử dụng đất đó có vi phạm quy hoạch, có tranh chấp hay không? phần đất này đã có đăng ký kê khai để giao quyền sử dụng đất đúng quy định của Luật đất đai như các văn bản phúc đáp số 390/CNVPĐKĐĐ ngày 03/4/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N (Bút lục số 40; Văn bản số phúc đáp số 1131/CNVPĐKĐĐ ngày 28/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N (Bút lục số 297); Công văn số 256/UBND ngày 09/6/2021 của Ủy ban nhân dân phường T, quận N, thành phố Cần Thơ và Biên bản Tại biên bản làm việc ngày 20/02/2023 (BL 180, 181) tại nhà thông tin khu vực 4, phường T, quận N, TP .. Vì vậy, chưa đủ cơ sở để xác định đây là di sản thừa kế của bà Trần Thị Tuyết P mất để lại phân chia thừa kế theo pháp luật theo yêu cầu của nguyên đơn để Tòa án xem xét.

Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn ông Trần Văn N cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh được nguồn gốc đất, việc mua đất và các giấy tờ khác có liên quan việc xác định đây là di sản của bà Trần Thị Tuyết P. Bị đơn bà Trần Thị Thu H cho rằng đây không phải là di sản thừa kế của bà P để lại, do bà cũng xác nhận là bà cũng không có giấy tờ gì để chứng minh đây là tài sản của bà P.

Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Trần Anh K2, sinh năm 1986 có đơn khiếu nại và được Tòa án lập biên bản làm việc ngày 09/9/2024 và ông K2 có cung cấp các giấy tờ liên quan để xác định là con của ông Trần Ngọc C2 (đã mất). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa ông K2 vào tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm là có thiếu sót nhưng do cả nguyên đơn và bị đơn đều không có trình bày, nên việc phát sinh sau sơ thẩm cần xem xét lại, đưa ông Trần Anh K2 tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Ngọc C2 nhằm làm rõ những vấn đề nêu trên mới đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được khách quan và toàn diện.

[4] Với những nhận định trên và phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Trần Thị Thu H và ông Trần Anh K2 yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa có căn cứ. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá chứng cứ toàn diện, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ và có thiếu sót. Tuy nhiên, khi Tòa án cấp sơ thẩm khi có công văn trao đổi với các cơ quan chức năng, cũng như chính quyền địa phương chưa có phúc đáp đầy đủ và chưa làm rõ các nội dung như: điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vấn đề tranh chấp, quy hoạch để có căn cứ xác định phần nhà, đất này có phải là di sản thừa kế của bà Trần Thị Tuyết P (mất) để phân chia thừa kế theo yêu cầu của đương sự. Vì vậy, cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm (do lỗi khách quan), giao hồ sơ về Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xem xét giải quyết lại theo thủ tục chung.

[5] Về phần án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: tạm chuyển giao về Tòa án sơ thẩm xem xét lại theo trình tự sơ thẩm.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: bà Trần Thị Thu H và bà Nguyễn Thị N2 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Giao toàn bộ hồ sơ về cho Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều để giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Chi phí thẩm định, đo đạc, định giá: giao về Tòa án sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

3. Về phần án phí:

3.1 *Án phí dân sự sơ thẩm:* Tòa án sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án nên chưa có đương sự phải chịu án phí.

3.2 *Án phí dân sự phúc thẩm:* Bị đơn bà Trần Thị Thu H được nhận lại 300.000 đồng án phí đã nộp tại biên lai 0000841 ngày 23/01/2024 tại Chi Cục thi hành án Dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Chi Cục THADS Q.Ninh Kiều;
- TAND Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phạm Văn Bình